

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tăng hơn 29 điểm trong ngày hôm nay và đóng cửa tại mốc 1,640.69 điểm. Độ rộng thị trường khá cân bằng với 9/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Bảo hiểm dẫn đầu đà tăng, theo sau là ngành Ngân hàng. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả ba sàn, đặc biệt bán mạnh hơn 2 nghìn tỷ đồng trên sàn HSX. Ngành Ngân hàng đóng vai trò trụ đỡ cho thị trường hôm nay nhờ thông tin tích cực về việc nới lỏng tỷ lệ dự trữ bắt buộc (Thông tư 23/2025/TT-NHNN). Trong ngắn hạn, VN-Index có thể tiếp tục quán tính tăng điểm, tiến lên chinh phục các đỉnh cao mới.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 14/08/2025, các chứng quyền biến động theo đà tăng của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+29.09** điểm, đóng cửa tại **1640.69** điểm. HNX-Index **+5.46** điểm, đóng cửa tại **285.15** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VCB (+5.44)**, **VPB (+3.92)**, **MBB (+2.72)**, **ACB (+2.16)**, **VIC (+2.01)**.
- Kéo chỉ số giảm: **GVR (-0.50)**, **FPT (-0.44)**, **MSN (-0.38)**, **GEE (-0.30)**, **VPL (-0.21)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **50,870** tỷ đồng, giảm **-4.84%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 53,026 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 29.68 điểm. Thị trường có **156** mã tăng, 51 mã tham chiếu, **170** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-2395.79** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **HPG (-423.38 tỷ)**, **FPT (-374.95 tỷ)**, **SSI (-291.81 tỷ)**, **CTG (-225.70 tỷ)**, **MSN (-208.63 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-24.64** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+1.76%**. Các mã diễn biến tích cực:
MBB (+6.98%) [\(Link báo cáo\)](#)
ACB (+6.94%) [\(Link báo cáo\)](#)
VPB (+6.94%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **+0.57%**. Các mã diễn biến tích cực:
MBS (+9.98%)
VJC (+6.99%)
HDG (+6.98%) [\(Link báo cáo\)](#)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	1.76%	0.57%	1.81%	2.28%
1 tuần	3.00%	3.57%	3.72%	3.40%
1 tháng	10.22%	16.89%	12.33%	12.54%
3 tháng	25.21%	31.70%	26.07%	29.57%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,640.69	285.15	109.95
% 1D	1.81%	1.95%	0.48%
GTKL (tỷ VND)	50,870	4,054	1,341
%1D	-4.84%	-21.11%	-20.29%
GDNN (tỷ VND)	-2395.79	-24.64	-19.14

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VJC	200.27	HPG	-423.38
VPB	82.45	FPT	-374.95
VIX	66.65	SSI	-291.81
CMG	50.44	CTG	-225.70
PDR	49.30	MSN	-208.63

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

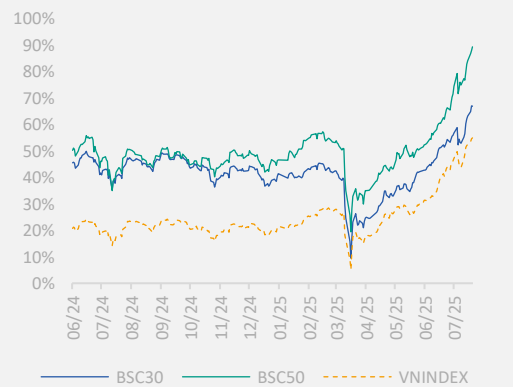
		%D	%W
SPX	6,467	0.32%	1.92%
FTSE100	9,159	-0.06%	0.64%
Eurostoxx	5,396	0.24%	1.20%
Shanghai	3,666	-0.46%	0.74%
Nikkei	42,649	-1.45%	4.64%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	65.94	0.47%
Giá vàng	3,350	-1.79%
Tỷ giá		
USD/VND	26,460	0.04%
EUR/VND	31,572	0.36%
JPY/VND	183	0.55%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.5%	0.00%
LS LNH 1M	4.9%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê thị trường	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6



Mở tài khoản tại BSC

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VCB	65.20	4.32%	5.44	8.36
VPB	30.80	6.94%	3.92	7.93
MBB	27.60	6.98%	2.72	6.10
ACB	26.20	6.94%	2.16	5.14
VIC	118.20	1.90%	2.01	3.88

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
MBS	44.10	9.98%	1.68	0.57
CEO	27.60	6.15%	0.61	0.54
BAB	15.00	6.38%	0.61	0.96
KSF	72.60	4.16%	0.60	0.30
KSV	168.60	2.49%	0.56	0.20

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VAB	13.95	7.06%	0.12	1.54
VJC	136.30	6.99%	1.28	6.37
HDG	32.95	6.98%	0.19	6.58
MBB	27.60	6.98%	20.75	45.43
VPB	30.80	6.94%	3.84	72.68

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
MBS	44.10	9.98%	9.48	11.74
PJC	27.70	9.92%	0.08	0.00
PTX	22.40	9.80%	0.05	0.14
VE3	8.00	9.59%	0.00	0.00
SMT	12.70	9.48%	0.03	0.04

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
GVR	32.10	-1.68%	-0.50	4.00
FPT	103.80	-1.24%	-0.44	1.48
MSN	84.80	-1.28%	-0.38	1.52
GEE	124.40	-2.81%	-0.30	0.37
VPL	82.80	-0.60%	-0.21	1.79

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DNP	18.40	-6.60%	-0.11	0.14
NTP	64.50	-0.92%	-0.07	0.17
LHC	103.90	-5.03%	-0.05	0.01
TFC	65.50	-4.80%	-0.04	0.02
HGM	322.00	-1.14%	-0.03	0.01

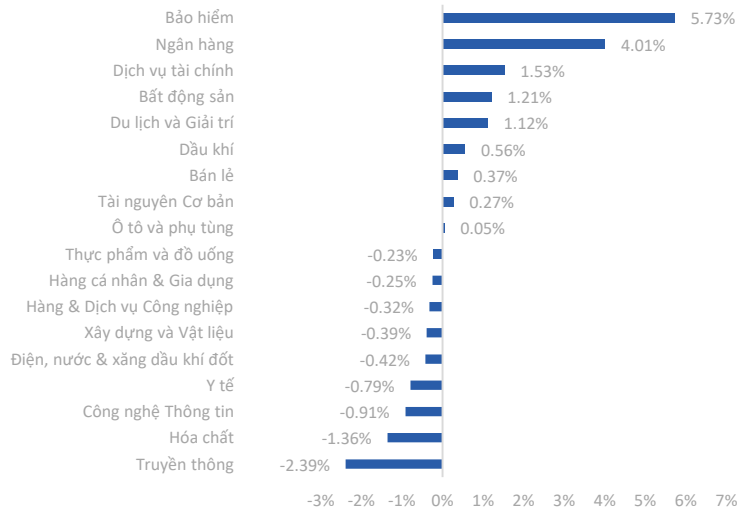
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DCL	20.95	-6.47%	-0.02	1.15
PNC	28.60	-4.67%	0.00	0.01
PMG	7.26	-4.47%	0.00	0.00
VOS	16.25	-4.13%	-0.02	5.99
TBC	37.65	-3.95%	-0.02	0.01

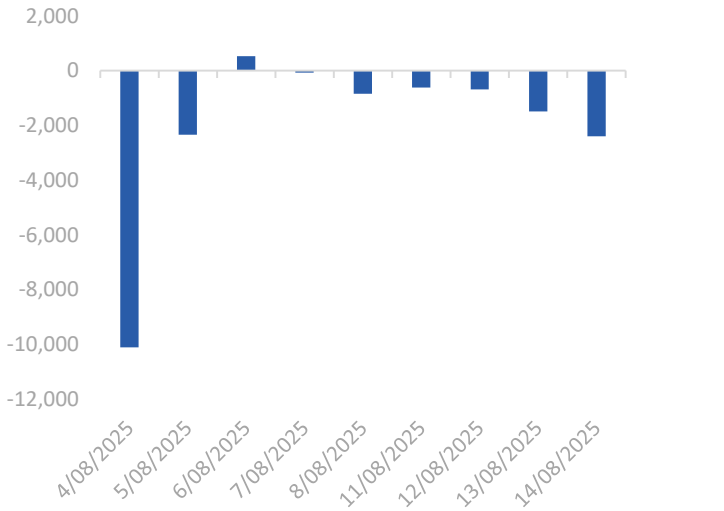
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
GDW	36.10	-9.75%	-0.13	0.00
QTC	16.60	-7.78%	-0.01	0.05
DNP	18.40	-6.60%	-0.64	0.00
NST	13.10	-5.76%	-0.03	0.00
AME	8.60	-5.49%	-0.12	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	71.9	1.4%	1.3	106,301	774.4	3,304	21.8	84,700	48.8%	Link
KBC	Bất động sản	33.6	-0.7%	1.6	31,596	198.9	1,831	18.3		14.9%	
KDH	Bất động sản	36.1	-0.3%	1.2	40,512	267.6	717	50.4		33.0%	
PDR	Bất động sản	24.6	1.5%	1.7	24,054	754.5	177	139.0	23,600	9.9%	Link
VHM	Bất động sản	93.9	1.0%	1.1	385,686	518.8	6,995	13.4	92,000	10.3%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	103.8	-1.2%	1.1	176,824	1869.8	5,092	20.4	136,500	38.7%	Link
BSR	Dầu khí	22.8	1.1%	0.0	70,536	316.7	(16)	(1,421)	23,200	0.3%	Link
PVS	Dầu khí	37.5	2.2%	1.3	17,924	340.5	2,649	14.2	38,600	11.8%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	28.8	0.4%	1.7	31,049	438.6	1,143	25.2		38.7%	
SSI	Dịch vụ tài chính	36.8	0.1%	1.5	72,565	2649.3	1,577	23.3		40.3%	
VCI	Dịch vụ tài chính	46.6	-0.9%	1.4	33,673	665.6	1,369	34.0		28.3%	
DCM	Hóa chất	40.5	-1.3%	1.6	21,414	272.4	3,221	12.6	47,300	6.2%	Link
DGC	Hóa chất	105.9	-0.6%	1.3	40,219	351.8	8,205	12.9	109,300	14.5%	Link
ACB	Ngân hàng	26.2	6.9%	0.8	134,580	899.7	3,305	7.9	28,400	30.0%	Link
BID	Ngân hàng	42.2	1.9%	0.9	295,950	637.8	3,683	11.4	47,000	17.4%	Link
CTG	Ngân hàng	50.2	1.2%	0.9	269,574	944.3	5,608	9.0	50,000	26.9%	Link
HDB	Ngân hàng	31.0	6.9%	1.0	108,172	2013.9	4,094	7.6	30,800	17.5%	Link
MBB	Ngân hàng	27.6	7.0%	1.0	222,318	1253.9	3,046	9.1	34,300	23.2%	Link
MSB	Ngân hàng	16.2	4.2%	1.2	41,990	852.6	1,961	8.2	14,000	28.5%	Link
STB	Ngân hàng	55.4	2.8%	1.0	104,441	889.8	6,148	9.0		20.4%	
TCB	Ngân hàng	38.4	2.4%	1.1	272,112	1640.3	3,019	12.7	39,800	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	19.8	3.4%	1.2	52,311	1427.7	2,423	8.2	-	24.8%	Link
VCB	Ngân hàng	65.2	4.3%	0.5	544,790	1246.8	4,148	15.7	75,700	21.9%	Link
VIB	Ngân hàng	20.5	2.5%	0.8	69,612	488.5	2,219	9.2	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	30.8	6.9%	1.0	244,365	2193.5	2,193	14.0	26,500	25.9%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	28.2	0.4%	1.2	216,448	2215.9	1,750	16.1	35,800	22.2%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	19.5	-1.3%	1.4	12,078	206.1	751	25.9	16,800	9.5%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	31.3	1.0%	1.6	12,027	469.3	4,124	7.6	32,200	4.5%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	84.8	-1.3%	1.4	122,614	1148.4	1,862	45.5	92,700	25.4%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	61.7	1.0%	0.5	128,950	403.2	4,101	15.1	64,500	48.9%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	46.4	-0.54%	1.7	10,158	206.4	2,216	20.9	26.0%	16.2%	Link
FRT	Bán lẻ	143.1	-3.44%	0.9	24,370	159.2	3,163	45.2	32.9%	24.9%	Link
BVH	Bảo hiểm	60.9	6.65%	1.2	45,207	155.5	3,311	18.4	27.1%	10.6%	
DIG	Bất động sản	24.4	0.62%	1.4	15,741	791.4	183	132.8	4.8%	1.5%	
DXG	Bất động sản	21.9	1.39%	1.4	22,314	463.4	353	62.0	25.8%	2.8%	Link
HDC	Bất động sản	37.1	0.13%	1.2	6,617	274.1	482	77.0	6.0%	3.8%	
HDG	Bất động sản	33.0	6.98%	1.6	12,190	216.7	522	63.1	17.5%	3.1%	Link
IDC	Bất động sản	43.8	0.69%	1.2	16,622	130.3	3,977	11.0	18.0%	27.3%	
NLG	Bất động sản	47.0	0.97%	1.5	18,099	519.8	1,709	27.5	49.1%	6.9%	Link
SIP	Bất động sản	66.7	-1.19%	1.3	16,149	80.9	5,315	12.6	4.3%	28.6%	
SZC	Bất động sản	39.0	-1.89%	1.5	7,019	122.6	1,978	19.7	3.1%	11.4%	Link
TCH	Bất động sản	26.0	0.00%	1.7	17,374	288.6	1,125	23.1	12.1%	8.0%	Link
VIC	Bất động sản	118.2	1.90%	1.2	451,957	512.2	3,580	33.0	3.9%	9.9%	
VRE	Bất động sản	30.2	2.38%	1.3	68,510	247.3	1,937	15.6	18.2%	10.4%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	46.0	3.26%	1.2	9,709	160.1	1,701	27.0	37.7%	12.5%	Link
PLX	Dầu khí	37.9	-0.26%	0.9	48,155	88.1	1,596	23.7	16.6%	7.9%	Link
PVD	Dầu khí	22.9	0.66%	1.4	12,730	247.7	1,428	16.0	4.3%	5.0%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	42.6	0.24%	1.7	14,743	462.2	1,348	31.6	26.0%	10.9%	
MBS	Dịch vụ tài chính	44.1	9.98%	1.9	25,260	511.3	1,554	28.4	6.2%	12.1%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	69.7	-0.43%	0.8	163,284	85.3	5,152	13.5	1.9%	19.4%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	16.4	-0.91%	1.0	38,407	284.6	624	26.3	3.1%	4.5%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	68.4	-0.15%	0.9	37,049	77.6	4,418	15.5	49.0%	12.6%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	136.3	6.99%	0.7	80,637	820.7	3,427	39.8	7.9%	9.9%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	56.3	0.54%	1.5	50,805	746.4	1,745	32.3	7.6%	11.1%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	61.2	0.49%	1.1	25,716	272.6	3,765	16.3	39.2%	12.0%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	62.8	-0.63%	1.2	10,605	226.7	5,700	11.0	6.1%	30.7%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	18.7	0.00%	1.2	8,788	103.9	2,304	8.1	8.6%	13.9%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	112.5	-2.09%	0.0	13,701	112.0	3,339	33.7	5.1%	25.4%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	88.0	0.00%	1.0	29,736	68.8	6,129	14.4	48.9%	18.2%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	32.3	-1.23%	1.0	3,613	53.9	2,693	12.0	49.9%	13.3%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	21.5	-1.38%	1.2	2,636	55.6	2,844	7.6	17.1%	18.6%	Link
DPM	Hóa chất	28.3	-1.40%	1.5	19,208	205.6	957	29.5	8.2%	5.8%	Link
GVR	Hóa chất	32.1	-1.68%	2.1	128,400	244.7	1,320	24.3	0.7%	9.8%	
EIB	Ngân hàng	28.3	2.17%	0.9	52,715	921.6	1,783	15.9	5.2%	13.1%	Link
LPB	Ngân hàng	40.2	2.55%	0.8	120,089	308.0	3,324	12.1	0.9%	23.3%	Link
NAB	Ngân hàng	16.3	5.16%	0.0	27,966	74.4	2,260	7.2	1.9%	19.6%	
OCB	Ngân hàng	13.2	3.94%	0.9	35,152	178.4	1,130	11.7	19.7%	9.4%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	16.7	0.30%	1.3	7,452	251.9	666	25.0	5.9%	3.6%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	26.8	-1.29%	1.6	7,122	117.9	1,871	14.3	3.0%	16.8%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	35.8	-0.28%	0.7	10,884	276.9	1,921	18.6	4.0%	15.0%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	47.9	-0.10%	1.1	61,435	58.4	3,185	15.0	58.9%	17.5%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	61.3	-1.61%	1.4	13,759	131.4	6,372	9.6	20.2%	16.1%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	137.6	-1.29%	1.0	11,264	51.4	13,894	9.9	85.5%	39.8%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	82.3	-0.96%	1.3	8,348	75.9	4,512	18.2	47.6%	5.1%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	93.5	-1.06%	1.5	10,695	54.5	4,928	19.0	6.4%	29.9%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	48.6	-0.61%	1.3	4,899	154.1	2,501	19.4	4.9%	12.8%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	14.8	-1.33%	1.5	7,362	311.7	1,077	13.7	11.0%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	27.6	-0.90%	1.4	9,853	170.6	1,179	23.4	14.5%	7.6%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	26.8	0.00%	1.3	17,325	431.6	1,241	21.6	8.9%	9.9%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	64.0	-3.03%	1.5	28,694	154.5	3,343	19.1	5.7%	17.5%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 08/2025_Thuế quan – Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
2	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
3	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
4	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
5	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
6	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
7	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
8	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
9	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
10	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng	x		Click
11	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
12	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng	x		Click
13	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
14	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng	x		Click
15	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
17	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
22	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
23	BSC_ Báo cáo ngành Q4.2024		x	Click
24	BSC_ Báo cáo ngành Q3.2024		x	Click
25	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2024		x	Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính
Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>